

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 27/2022/HS-ST

Ngày: 02/6/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Bà Nguyễn Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

U, sinh năm 1987 tại G; nơi cư trú: Thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ, tỉnh G; nghề NGệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Byit và bà Nar; Bị cáo có vợ là chị Pat và có 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2021 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo U: Luật sư Nguyễn Đình C - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- Bị hại:

Anh B, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ tỉnh G. Vắng mặt.

Anh BL, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ tỉnh G. Vắng mặt.

Anh N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Adok Kông, xã Adok, huyện Đ tỉnh G. Vắng mặt.

Anh BÔ, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ tỉnh G. Có mặt.

Anh HÔ, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn Groi Wêl, xã Glar, huyện Đ tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đinh Văn C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Bà Phan Thị T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Vinh NG, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn 5, xã Nam Yang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông A - nguyên là phó chủ tịch Hội nông dân huyện Đ, tỉnh G.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 28/11/2021, U điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 81B1- 470.24 đi đến khu vực rẫy cà phê thuộc thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ rồi dừng chiếc xe Nouvo ở lề đường và đi bộ trên đường lô cà phê để tìm tài sản trộm cắp. Trên đường đi, U phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 81C1 - 102.65 của ông B để ở bãi đất giáp ranh vườn cà phê với ruộng lúa và không có người trông coi. U đã dắt bộ xe mô tô biển số 81C1-102.65 đi đến vị trí để xe mô tô biển số 81B1- 470.24 của U rồi lấy 01 cái tuốc-nơ-vít trong cốp xe 81B1- 470.24 để mở ốp mặt nạ và đấu nối dây nguồn để nổ máy chiếc xe mô tô biển số 81C1-102.65 nhưng không được. U lắp lại ốp mặt nạ của chiếc xe mô tô biển số 81C1-102.65 rồi dắt bộ vào vườn cà phê của ông Yuh thuộc thôn Adok Kông, xã Adok, huyện Đ, tỉnh G để cất giấu.

Do trước đó U quan sát thấy cách vị trí chiếc xe 81C1 - 102.65 khoảng 50 mét còn có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu VESSEL biển số 37P1-6161 của ông Blel để ở bãi đất giáp ranh vườn cà phê và ruộng lúa không có người trông coi nên U tiếp tục quay lại để trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 37P1-6161. U đi đến dắt bộ chiếc xe mô tô biển số 37P1-6161 đến vị trí để xe của U rồi lấy tuốc-nơ-vít tháo giỏ xe ra rồi đấu nối dây nguồn và nổ máy chiếc xe mô tô biển số 37P1 – 6161. U điều khiển chiếc xe 37P1-6161 đi đến vườn cà phê của ông Yuh thuộc thôn Adok Kông, xã Adok, huyện Đ, tỉnh G để cất giấu cùng với chiếc xe mô tô biển số 81C1 – 102.65.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28/11/2021, Công an xã Adok, huyện Đ và tổ tự quản an ninh trật tự thôn Adok Kông, xã Adok đang trên đường tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự đến khu vực gần cánh đồng thuộc thôn Bia Tih, xã Adok thì phát hiện U đang đi bộ có dấu hiệu NG vẩn trộm cắp tài sản. Công an xã đã yêu cầu U dừng lại để kiểm tra thì U không chấp hành và bỏ đi, gần vị trí U đứng có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo biển số 81B1- 470.24, bên cạnh có 01 giỏ xe màu đen, kích thước (37 x 26 x 20)cm bên trong đựng 01 cái kìm bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đen, đã cũ, dài 16cm; 01 cái kìm bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đen, đã cũ, dài 19cm; 01 cái kìm bằng kim loại, cán bọc nhựa màu vàng đen, vỏ bọc nhựa bị nứt, đã cũ, dài 15,5cm; 01 cái kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu xanh, đã cũ, dài 18cm; 01 cái ví màu nâu đen, đã cũ, kích thước (22 x 9,5)cm; 01 đôi dép bằng xốp màu xanh, đã cũ; 01 cái cà lê số 17 bằng kim loại, đã cũ, bị rỉ sét, dài 21,5cm; 01 cái cà lê số 13 bằng kim loại, đã cũ, dài 15,5cm; 01 cái tuốc-nơ-vít bằng kim loại, cán bằng nhựa màu xanh, đã cũ, dài 18cm; 01 cái tuốc-nơ-vít bằng kim loại, 01 đầu dẹt, 01 đầu gắn típ mở bugi, đã cũ, dài 18,3 cm; 01 cái típ mở bugi, đã cũ, dài 9,8cm. Khi mở cốp xe moto biển số 81B1- 470.24 phát hiện bên trong có một giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô) mang tên U nên Công an xã Adok đã lập biên bản tạm giữ và đưa xe mô tô cùng các vật dụng trên về trụ sở.

Bị cáo U sau đó đi bộ đến khu vực vườn cà phê, chanh dây của ông N thuộc thôn Adok Kông, xã Adok, huyện Đ thì phát hiện trong vườn có giếng nước tưới nên biết dưới giếng có máy bơm. U đi lại dùng tay tháo dây thùng rồi kéo chiếc máy bơm hiệu Galaxy, công suất 2,5 HP của ông N ở dưới giếng lên và dùng 01 cái kéo mang theo để cắt đứt dây điện, tháo ống nước nối với máy bơm rồi mang đi cất giấu tại đường bờ lô vườn cà phê thuộc thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ, tỉnh G (cách giếng nước khoảng 100 mét). U đi bộ đến chòi rẫy bỏ hoang thuộc làng Dơk Rong, xã Glar để ngủ qua đêm.

Khoảng 07 giờ ngày 29/11/2021, ông B và ông Blel đến Công an xã Adok trình báo về việc bị trộm cắp xe mô tô biển số 81C1 – 102.65 và xe mô tô biển số 37P1-6161. Tại Công an xã Adok, ông BL nhận ra chiếc giỏ xe mà Công an xã đã tạm giữ là chiếc giỏ xe được gắn trên xe mô tô biển số 37P1-6161 của ông khi chiếc xe bị trộm cắp. Ngày 30/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã bắt giữ U khi U đi về nhà tại thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình điều tra, U khai nhận ngoài lần trộm cắp trên, U thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 08 giờ ngày 16/4/2021, U đi đến ruộng lúa tại thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ để làm ruộng. Khoảng 16 cùng ngày, U đi bộ về nhà thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu CAVARY biển số 81C1 – 018.95 của anh BÔ để ở bãi đất sát vườn rau thuộc thôn Bia Tih, xã Adok, huyện Đ không có ai trông coi. U nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này nên đã đi đến thử đạp cần khởi động thì xe nổ máy

mà không cần chìa khóa. U liền điều khiển chiếc xe 81C1 – 018.95 đi theo đường qua cánh đồng Cơ Đơ (Kđơ) đồng thuộc xã Glar, huyện Đ, tỉnh G rồi ngủ lại tại đây.

Khoảng 07 giờ ngày 17/4/2021, U điều khiển chiếc xe 81C1 – 018.95 đi từ cánh đồng Cơ Đơ về thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Trên đường đi U gặp Lê Wi và Wi nhờ U chở về nhà thì U đồng ý. U điều khiển chiếc xe mô tô 81C1 – 018.95 chở Wi đi về thị trấn Đ. Trên đường đi, Wi rủ U đi uống cà phê tại quán cà phê vỉa hè sát Nhà văn hóa huyện Đ thuộc Tổ dân phố (TDP) 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G của chị Nguyễn Thị Thúy. Trong khi uống nước, Wi hỏi mượn chiếc xe mô tô 81C1 – 018.95 để đi công việc nhưng sau đó không quay lại. U tìm đến nhà Wi thì người nhà cho biết Wi đã bỏ nhà đi lang thang nhiều tháng trước đó. Qua xác minh Lê Wi không có mặt tại nơi cư trú, gia đình và chính quyền địa phương không rõ ở đâu nên chưa thu hồi được chiếc xe mô tô trên.

Lần thứ 2: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 26/11/2021, U điều khiển xe mô tô biển số 81B1- 470.24 của U đi từ xã Glar, huyện Đ theo đường qua cánh đồng Cơ Đơ về xã Adok, huyện Đ. Khi đi đến khu vực đường bê tông sát ruộng lúa thuộc thôn Dôr II, xã Glar, huyện Đ thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81T5 - 2676 của ông để ở lề đường và không có ai trông coi. U điều khiển chiếc xe mô tô biển số 81B1- 470.24 đi cất giấu tại vườn cà phê cách đó khoảng 100 mét rồi quay lại dắt chiếc xe mô tô biển số 81T5 – 2676 đến vườn cà phê cách đó khoảng 100 mét rồi lấy 01 chiếc kìm, 01 chiếc tuốc-nơ-vít trong cốp xe 81B1- 470.24 để tháo ổ khóa điện của chiếc xe mô tô biển số 81T5 – 2676 ra. Sau đó, U điều khiển xe mô tô biển số 81B1 – 470.24 đến tiệm sửa khóa của anh Đinh Văn C tại Trung tâm thương mại huyện Đ thuộc TDP 5, thị trấn Đ, huyện Đ nhờ anh C làm lại chìa khóa xe mô tô biển số 81T5 – 2676 với giá 50.000 đồng. Sau khi làm chìa xong, U quay lại vị trí cất giấu xe mô tô biển số 81T5 – 2676 rồi gắn ổ khóa điện đã làm lại chìa vào chiếc xe này. Khoảng 10 giờ cùng ngày, U điều khiển xe mô tô biển số 81T5 – 2676 đến tiệm phế liệu của bà Phan Thị T thuộc TDP 5, thị trấn Đ, huyện Đ hỏi bán xe. Lúc này, tại tiệm phế liệu có bà T và anh Nguyễn Vĩnh NG. Khi gặp bà T, U hỏi: “*cô có mua xe máy không?*”. Bà T hỏi: “*xe sao lại bán?*”. U trả lời: “*xe bị mất giấy tờ nên bán*”, bà T nói: “*xe không có giấy tờ mua phế liệu thôi*”, U đồng ý bán xe với giá 10.000đ/01 kg. U cùng bà T, anh NG đưa xe máy lên cân được 96kg, tính thành tiền là 960.000 đồng. U xin thêm 40.000 đồng, bà T đồng ý trả thêm tiền và đưa cho U số tiền 1.000.000 đồng; U lấy tiền xong thì bỏ đi. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đang ở tiệm phế liệu, anh Nguyễn Vĩnh NG thấy xe mô tô biển số 81T5 – 2676 còn sử dụng được nên hỏi mua lại của bà T để đi rẫy. Bà T đồng ý bán lại chiếc xe mô tô biển số 81T5 – 2676 cho anh NG với giá 1.000.000 đồng. Anh NG mang chiếc xe mô tô biển số 81T5 – 2676 về sử dụng đến ngày 02/12/2021, khi biết chiếc xe mô tô biển số 81T5 – 2676 là tài sản do trộm cắp mà có, anh Nguyễn Vĩnh NG đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá số 135/KL-HĐĐGTS ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu đen-trắng, biển số 81C1 – 102.65, thời điểm bị trộm cắp trị giá: 6.000.000 đồng.

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu VESSEL màu nâu, biển số 37P1 – 6161, thời điểm bị trộm cắp trị giá: 1.600.000 đồng.

- 01 (một) máy bơm nước nhãn hiệu GALAXY, công suất 2.5 HP, thời điểm bị trộm cắp trị giá: 2.100.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu đen-đỏ, biển số 81T5 – 2676, thời điểm bị trộm cắp trị giá 7.000.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu CAVARY, biển số 81C1 – 018.95, thời điểm bị trộm cắp trị giá: 2.100.000 đồng.

Về dân sự:

- Ông B, ông Blel, ông N và ông HỒ đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh BÔ yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000 đồng tương ứng giá trị chiếc xe mô tô mà U đã trộm cắp.

- Bà Phan Thị T yêu cầu U trả lại số tiền 1.000.000 đồng bỏ ra mua xe mô tô biển số 81T5 – 2676.

Tại bản Cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo U về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với U và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo U;

Xử phạt bị cáo U từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

Tịch thu bán sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 81B1- 470.24 đã cũ.

Đối với 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đen, đã cũ, dài 16cm; 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đen, đã cũ, dài 19cm; 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu vàng đen, vỏ bọc nhựa bị nứt, đã cũ, dài 15,5cm; 01 cái kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu xanh, đã cũ, dài 18cm; 01 cái ví màu nâu đen, đã cũ, kích thước (22 x 9,5)cm; 01 đôi dép bằng xốp màu xanh, đã cũ; 01 cái cà lê số 17 bằng kim loại, đã cũ, bị rỉ sét, dài 21,5cm; 01 cái cà lê số 13 bằng kim loại, đã cũ, dài 15,5cm; 01 cái tuốc-nơ-vít bằng kim loại, cán bằng nhựa màu xanh, đã cũ,

dài 18cm; 01 cái tuốcnovít bằng kim loại, 01 đầu dẹt, 01 đầu gắn típ mở bugi, đã cũ, dài 18,3 cm; 01 cái típ mở bugi, đã cũ, dài 9,8cm. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 bản phô tô chứng minh nhân dân số 230907415 mang tên U, sinh năm 1987, trú tại xã Adok, huyện Đ, tỉnh G đây là tài liệu liên quan để giải quyết vụ án nên cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Về dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 280, 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo U phải bồi thường cho anh BÔ số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho bà Phan Thị T số tiền 1.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu. Án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo U thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tội danh, điều luật áp dụng. Tuy nhiên mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là quá Nặng nề. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cho bị cáo không quá 01 (một) năm tù cũng đủ tính chất răn đe, giáo dục đối với bị cáo, vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có vợ và 03 con nhỏ, người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo không có ý kiến gì đối với bản luận tội của Viện kiểm sát và bản luận cứ của người bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và hình phạt: Từ ngày 16/4/2021 đến ngày

28/11/2021 tại huyện Đ, tỉnh G, U đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể: Trộm cắp xe mô tô 81C1 - 102.65 của ông B có trị giá là 6.000.000 đồng; trộm cắp xe mô tô biển số 37P1 – 6161 của ông Blel có trị giá 1.600.000 đồng; trộm cắp chiếc máy bơm Galaxy, công suất 2,5 HP của ông N có trị giá là 2.100.000 đồng; trộm cắp xe mô tô biển số 81T5 - 2676 của ông HỒ có trị giá là 7.000.000 đồng và trộm cắp chiếc xe mô tô 81C1 – 018.95 của anh BÔ có trị giá là 2.100.000 đồng. Bị cáo U đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tổng trị giá là 18.800.000 đồng nhưng trong đó có 01 lần trị giá tài sản dưới hai triệu đồng và bị cáo không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo U là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Về khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy nhẹ hơn so với tính chất, hành vi bị cáo đã thực hiện nên không chấp nhận vì tình hình trộm cắp tài sản từ trước đến nay trên địa bàn huyện Đ diễn biến phức tạp, bị cáo U là thanh niên khỏe mạnh, có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp với số tiền chiếm đoạt có trị giá là 18.800.000 đồng, chỉ vì bản chất lười lao động, thích tiêu xài trên sức lao động của người khác nên bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng cho bị cáo mức án NGêm khắc tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tổng nhưng trong đó có 01 lần trị giá tài sản dưới hai triệu đồng. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân lai lịch tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức còn hạn chế nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu đen-trắng, biển số 81C1 – 102.65; 01 xe mô tô nhãn hiệu VESSEL màu nâu, biển số 37P1 - 6161; 01 máy bơm nước nhãn hiệu Galaxy, công suất 2.5 HP; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu đen-đỏ, biển số 81T5 – 2676, Cơ quan điều tra đã T hành tra trả cho chủ sở hữu là ông B, ông Blel, ông N và ông HỒ là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô biển số 81B1- 470.24, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, dung tích xi lanh 113, số máy 2B56020764; số khung RLCN2B5607Y020764, tình trạng xe đã cũ (*kèm theo bản sao phiếu xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ*) là tài sản riêng của bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đen, đã cũ, dài 16cm; 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đen, đã cũ, dài 19cm; 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu vàng đen, vỏ bọc nhựa bị nứt, đã cũ, dài 15,5cm; 01 cái kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu xanh, đã cũ, dài 18cm; 01 cái ví màu nâu đen, đã cũ, kích thước (22 x 9,5)cm, đã cũ; 01 đôi dép bằng xốp màu xanh, đã cũ; 01 cái cà lê số 17 bằng kim loại, đã cũ, bị rỉ sét, dài 21,5cm, đã cũ; 01 cái cà lê số 13 bằng kim loại, đã cũ, dài 15,5cm, đã cũ; 01 cái tuốc-nơ-vít bằng kim loại, cán bằng nhựa màu xanh, đã cũ, dài 18cm, đã cũ; 01 cái tuốc-nơ-vít bằng kim loại, 01 đầu dẹt, 01 đầu gắn tip mở bugi, đã cũ, dài 18,3 cm, đã cũ; 01 cái tip mở bugi, đã cũ, dài 9,8cm, đã cũ; đây là các vật chứng mà U đã sử dụng vào việc phạm tội. Xét các vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 bản photo chứng minh nhân dân số 230907415 mang tên U, sinh năm 1987, trú tại xã Adok, huyện Đ, tỉnh G đây là tài liệu liên quan để giải quyết vụ án nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[5] Về dân sự:

Ông B, ông Blel, ông N và ông HỒ đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình điều tra anh BÔ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.100.000 đồng. Tại phiên tòa anh BÔ thay đổi yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng. Bà Phan Thị T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo U đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh BÔ và bà T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh BÔ và bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo U;
- Căn cứ Điều 280; 357; 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 143; 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 106; 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;
- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo U phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo U 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 30/11/2021).

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 81B1- 470.24, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, dung tích xi lanh 113, số máy 2B56020764; số khung RLCN2B5607Y020764, tình trạng xe đã cũ (*kèm theo bản sao phiếu xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ*) là tài sản riêng của bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đen, đã cũ, dài 16cm; 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đen, đã cũ, dài 19cm; 01 cái kim bằng kim loại, cán bọc nhựa màu vàng đen, vỏ bọc nhựa bị nứt, đã cũ, dài 15,5cm; 01 cái kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu xanh, đã cũ, dài 18cm; 01 cái ví màu nâu đen, đã cũ, kích thước (22 x 9,5)cm, đã cũ; 01 đôi dép bằng xốp màu xanh, đã cũ; 01 cái cà lê số 17 bằng kim loại, đã cũ, bị rỉ sét, dài 21,5cm, đã cũ; 01 cái cà lê số 13 bằng kim loại, đã cũ, dài 15,5cm, đã cũ; 01 cái tuốcnovít bằng kim loại, cán bằng nhựa màu xanh, đã cũ, dài 18cm, đã cũ; 01 cái tuốcnovít bằng kim loại, 01 đầu dẹt, 01 đầu gắn tip mở bugi, đã cũ, dài 18,3 cm, đã cũ; 01 cái tip mở bugi, đã cũ, dài 9,8cm, đã cũ.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/5/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

4. Về dân sự:

Buộc bị cáo U phải bồi thường cho anh BÔ số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo U phải bồi thường cho bà Phan Thị T số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

Xử buộc bị cáo U phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Xử buộc bị cáo U phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/6/2022), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G;
- Cơ quan Thi hành án tỉnh G;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ